

Số: 5224/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính, quy trình điện tử bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-BXD ngày 13 tháng 9 năm 2021 Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phát triển đô thị thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thủ tục hành chính lĩnh vực Xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 225/TTr-SXD ngày 13 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc Lĩnh vực Nhà ở; thủ tục hành chính được thay thế thuộc Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc; thủ tục hành chính, quy trình điện tử bị bãi bỏ Lĩnh vực phát triển đô thị thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính

a) Sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc Lĩnh vực Nhà ở;

b) Thay thế các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, gồm: 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh: Thủ tục hành chính số 1, 2 Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc; 02 thủ tục hành chính cấp huyện: Thủ tục số 1, 2 Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc.

c) Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh: Các thủ tục số 1, 2, 3, 4 Lĩnh vực phát triển đô thị được công bố tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Bãi bỏ 04 quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính cấp tỉnh: Các quy trình số 1, 2, 3, 4 Lĩnh vực phát triển đô thị được ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Danh mục, nội dung thủ tục hành chính đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 và Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp Sở Xây dựng cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Các Sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường căn cứ cơ cấu tổ chức và quy chế làm việc của đơn vị chịu trách nhiệm rà soát, khẩn trương xây dựng quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố theo chức năng, nhiệm vụ được giao trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện tại đơn vị.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường cập nhật nội dung các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; gỡ bỏ những thủ tục hành chính, quy trình điện tử thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng trên phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh (Egov); thực hiện tích hợp, kết nối cung cấp dịch vụ công đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh; Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, HCTC, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



Cao Tiến Dũng



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
THAY THẾ VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý	Trang
1. Lĩnh vực Nhà ở								1
1.1	1.007748	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu	Nộp hồ sơ trực tuyến, qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).	Không	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở và Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế,	1

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý	Trang
							sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
1.2	1.007762	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).	Không	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính.	- Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. - Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; - Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. - Quyết định số 1039/QĐ-BXD ngày 13/9/2021 Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;	4

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ
I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
1. Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc									7
1.1	1	1.002701	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt	- Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị: + Thời gian thẩm định không quá 17 ngày. + Thời gian phê duyệt không quá 13 ngày. - Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng:	Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Xây dựng.	Phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng theo quy định tại Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây	- - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014; - Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; - Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị; - Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
			của UBND cấp tỉnh.	+ Thời gian thẩm định không quá 15 ngày. + Thời gian phê duyệt không quá 10 ngày.			dựng (tùy theo quy mô diện tích, quy mô dân số, tỷ lệ lập quy hoạch, tính chất... của Dự án để tính Phí thẩm định cần phải đóng).	- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; - Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; - Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								- Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp. - Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/ 2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; - Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; - Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; - Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị; - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ- UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; - Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; - Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; - Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; - Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
1.2	2	1.003011	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền	+ Thời gian thẩm định không quá 22 ngày. + Thời gian phê duyệt không quá 13 ngày.	Trung tâm hành chính công tỉnh (Số 236, đường Phan Trung, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Xây	Căn cứ theo Thông tư 05/2017 /TT-BXD ngày 05/4/2017 Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây	12

hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
			phê duyệt của UBND cấp tỉnh			dựng.	dựng và quy hoạch đô thị	không gian kiến trúc cảnh quan đô thị; - Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; - Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; - Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về hoạt động do đặc và bản đồ; - Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam; - Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp. - Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/ 2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; - Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; - Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị; - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức,	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; - Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; - Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; - Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; - Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; - Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh. - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.	
II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN									17
1. Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc									17
1.1	1	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo	- Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị; + Thời gian thẩm định không quá 17 ngày. + Thời gian phê duyệt	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện	- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. - Cơ quan được ủy quyền hoặc	Căn cứ theo Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 Hướng dẫn xác định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh. - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014; - Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; - Nghị định số 37/2010/ND-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;	17

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
		phê duyệt của UBND cấp huyện	hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	không quá 13 ngày. - Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù: + Thời gian thẩm định không quá 15 ngày. + Thời gian phê duyệt không quá 10 ngày.		phân cấp thực hiện: Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng).	quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.	- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị; - Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị; - Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; - Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; - Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								6/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam; - Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp. - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Thông tư số 10/2007/TT-BXD	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; - Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; - Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; - Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị; - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; - Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; - Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm do đạc và bản đồ; - Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn. - Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
1.2	2	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công	- Thời gian thẩm định không quá 22 ngày. - Thời gian phê duyệt không quá 13 ngày.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện	- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. - Cơ quan được ủy	Căn cứ theo Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 Hướng	22

hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
 - Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.
 - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
 - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
 - Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
 - Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
 - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
		thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện			quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng).	dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.	về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; - Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị; - Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị; - Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; - Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị; - Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								triển và quản lý nhà ở xã hội; - Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam; - Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp. - Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								hoạch xây dựng; - Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; - Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; - Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; - Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị; - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; - Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; - Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; - Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm do đạc và bản đồ; - Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban	

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế (tại Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 16/01/2020)	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Trang
								hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; - Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh. - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Căn cứ pháp lý
1. Lĩnh vực phát triển đô thị			
1.1	1	1.002562	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 26/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phát triển đô thị thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.
1.2	2	1.002526	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 26/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phát triển đô thị thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.
1.3	3	1.002605	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 26/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phát triển đô thị thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng.
1.4	4	1.002580	Lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Lĩnh vực nhà ở

1.1. Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài

a) Trình tự thực hiện:

* Trình tự đối với cá nhân nước ngoài:

- Trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng, nếu chủ sở hữu có nhu cầu gia hạn thêm thì phải có đơn ghi rõ thời hạn đề nghị gia hạn kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền (Sở Tài nguyên và Môi trường) nơi có nhà ở đó xem xét, giải quyết;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và có văn bản đồng ý gia hạn một lần thời hạn sở hữu nhà ở theo đề nghị của chủ sở hữu nhưng tối đa không quá 50 năm, kể từ khi hết hạn sở hữu nhà ở lần đầu ghi trên Giấy chứng nhận, trừ trường hợp bị buộc xuất cảnh hoặc buộc chấm dứt hoạt động tại Việt Nam;

- Căn cứ văn bản đồng ý gia hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm ghi gia hạn trên Giấy chứng nhận; cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải sao một bản Giấy chứng nhận và chuyển cho Sở Xây dựng để theo dõi.

* Trình tự đối với tổ chức nước ngoài:

- Trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng, nếu chủ sở hữu có nhu cầu gia hạn thêm thì phải có đơn ghi rõ thời hạn đề nghị gia hạn kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gia hạn hoạt động và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền (Sở Tài nguyên và Môi trường) nơi có nhà ở đó xem xét, giải quyết;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và có văn bản đồng ý gia hạn một lần thời hạn sở hữu nhà ở theo đề nghị của chủ sở hữu nhưng tối đa không quá thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gia hạn hoạt động;

- Căn cứ văn bản đồng ý gia hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm ghi gia hạn trên Giấy chứng nhận; cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải sao một bản Giấy chứng nhận và chuyển cho Sở Xây dựng để theo dõi.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm hành chính công tỉnh, Địa chỉ: 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:*** Thành phần hồ sơ:**

+ Đối với cá nhân:

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở;
- Bản sao và xuất trình bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có công chứng hoặc¹ bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở.

+ Đối với tổ chức:

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở;
- Bản sao và xuất trình bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có công chứng hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đối với nhà ở;
- Bản sao và xuất trình bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có công chứng hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân, tổ chức nước ngoài đang sở hữu nhà ở tại Việt Nam

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đồng ý gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở

h) Lệ phí: Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có đơn gửi UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền (Sở Tài nguyên và Môi trường) nơi có nhà ở đó để xem xét, giải quyết trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2014;

¹ Phần chữ in nghiêng không đậm tại mục thành phần hồ sơ của trang này là nội dung được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở và Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

- Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Quyết định số 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

1.2. Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ (bản sao có chứng thực) qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Sở Tài chính nơi có dự án đề nghị tổ chức thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do mình đầu tư xây dựng.

Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính đề nghị cá nhân, tổ chức ghi rõ địa chỉ liên lạc.

- Sở Tài chính tổ chức thực hiện việc thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư đề nghị và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả và thời hạn thực hiện thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thành xong việc xây dựng nhà ở xã hội và đã được kiểm toán về chi phí của dự án theo quy định thì Sở Tài chính có thể căn cứ vào báo cáo kiểm toán để thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định giá của chủ đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định cho chủ đầu tư, trong đó nêu rõ các nội dung đồng ý và nội dung cần chỉnh sửa (nếu có).

- Căn cứ văn bản thông báo kết quả thẩm định, chủ đầu tư ban hành giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án trên nguyên tắc không được cao hơn giá đã được thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tuyến hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tài chính (*Địa chỉ: 42 Cách Mạng Tháng 8, phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư (bao gồm: Căn cứ pháp lý của Dự án; tổng quan về dự án);

- Phương án xác định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư xây dựng.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo kết quả thẩm định.

h) Phí, lệ phí: Không có

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Quyết định số 1039/QĐ-BXD ngày 13/9/2021 Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**Mẫu văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá bán,
giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội**
(Ban hành tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 49/2021/NĐ-CP
ngày 01/4/2021 của Chính phủ)

**TÊN BÊN ĐỀ NGHỊ
THẨM ĐỊNH GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

¹, ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị thẩm định
giá bán, giá cho thuê, giá
thuê mua NOXH

Kính gửi²:

Thực hiện quy định tại Luật Nhà ở năm 2014, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý và phát triển nhà ở xã hội,³..... đã lập phương án về giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội tại dự án (có phương án giá kèm theo).

Kính đề nghị²..... xem xét, thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội tại dự án..... theo quy định hiện hành của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

**THỦ TRƯỞNG
BÊN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH GIÁ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tên địa phương nơi có dự án.

² Sở Xây dựng hoặc cơ quan có chức năng thẩm định giá của địa phương.

³ Tên bên đề nghị thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc

1.1. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị 02 bộ hồ sơ theo quy định tại thủ tục này, gửi hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ Bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) đến Trung tâm hành chính công tỉnh.

Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính đề nghị chủ đầu tư ghi rõ địa chỉ liên lạc.

- Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và thông báo cho chủ đầu tư về tính hợp lệ của hồ sơ qua thư điện tử (qua đường bưu điện hoặc trực tiếp).

- Bước 3: Sở Xây dựng thẩm định, lập tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng và chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt.

Sau khi có kết quả, Sở Xây dựng chuyển kết quả, hồ sơ đến Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn trả kết quả (hoặc sau khi hồ sơ có kết quả trước thời hạn), Trung tâm hành chính công tỉnh gửi thư điện tử thông báo cho chủ đầu tư về kết quả thực hiện của hồ sơ và tiền phí thẩm định nhiệm vụ. Sau khi có xác nhận chủ đầu tư đã chuyển tiền, Trung tâm hành chính công tỉnh thực hiện trả kết quả cho chủ đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc nộp trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng (03 quyển) đính kèm: Các bản vẽ in màu thu nhỏ A3 (hoặc khổ lớn hơn) với tỷ lệ đảm bảo đọc rõ các số liệu gồm: Vị trí giới hạn khu đất, đánh giá hiện trạng khu đất, phương án cơ cấu đề xuất (nếu có); Quyết định chủ trương đầu tư, chủ trương lập quy hoạch hoặc chấp thuận điều chỉnh quy hoạch của cấp có thẩm quyền;

- Văn bản pháp lý 02 bộ gồm:

+ Tờ trình đề nghị về việc thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư (bản chính)

+ Văn bản tổng hợp của UBND cấp xã về kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan của địa phương; Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư của chủ đầu tư (nếu có); Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có); Biên bản thông qua

hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Nhiệm vụ quy hoạch hoặc văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và văn bản của chủ đầu tư về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối hồ sơ nếu có.

+ Đối với hồ sơ Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng: Bổ sung văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh của cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- Sơ đồ vị trí khu đất xác định ranh dự án theo hệ tọa độ VN – 2000 tỷ lệ 1/2000-1/5000 được UBND cấp huyện kiểm tra xác nhận. (2 bản photo).

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập (01 bộ - đóng thành tập), bao gồm: Văn bản pháp lý chứng minh pháp nhân của đơn vị tư vấn; Chứng chỉ hành nghề của người chủ nhiệm, chủ trì thiết kế từng bộ môn chuyên ngành; Văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận của từng cá nhân tham gia thiết kế;

- Hồ sơ khảo sát xây dựng (trừ các hồ sơ quy hoạch vùng) (01), bao gồm: Hồ sơ năng lực tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công việc khảo sát, hợp đồng;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (01 bản)

- Đĩa CD (02 cái – chép toàn bộ file: Bản vẽ dạng file CAD, thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch, Tờ trình, dự thảo quyết định và scan tất cả các văn bản pháp lý có liên quan).

d) Thời hạn giải quyết: (Tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

- Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị:

+ Thời gian thẩm định không quá 17 ngày.

+ Thời gian phê duyệt không quá 13 ngày.

- Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng:

+ Thời gian thẩm định không quá 15 ngày.

+ Thời gian phê duyệt không quá 10 ngày.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

Phân cấp thẩm quyền giải quyết: ⁽²⁾

- *Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trình UBND cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong các trường hợp sau:*

+ *Có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của 02 địa phương cấp huyện trở lên; Trong khu đô thị mới; Khu vực chưa có quy hoạch chung xây dựng được duyệt.*

⁽²⁾ Phần chữ in nghiêng không đậm tại các mục Cơ quan thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý của TTHC là nội dung được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.

+ Quy hoạch chi tiết các khu chức năng có ý nghĩa quan trọng của tỉnh: Trung tâm hành chính – chính trị cấp huyện trở lên; Khu vực định hướng quy hoạch khu đô thị mới; Các dự án có quy mô diện tích $\geq 20ha$; Các khu, cụm công nghiệp tập trung, khu hạ tầng kỹ thuật, cảng sông, cảng biển, an ninh quốc phòng; Các khu chức năng (khu di tích lịch sử, tôn giáo – tín ngưỡng; khu công nghệ kỹ thuật cao; Các dự án có ý nghĩa quan trọng khác do UBND tỉnh xác định cụ thể trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

+ Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị.”

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai

- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Quy hoạch Kiến trúc

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Sau khi thẩm định, Sở Xây dựng ban hành Tờ trình trình UBND tỉnh.

- Trên cơ sở Tờ trình của Sở Xây dựng, UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí: Căn cứ theo Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Nội dung bên trong hồ sơ thể hiện phải phù hợp Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành; quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng cấp trên được duyệt.

- Bên ngoài hộp ghi rõ tên hồ sơ, quy mô diện tích và tên chủ đầu tư, thành phần hồ sơ.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;
- Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp.
- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/ 2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;
- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

- Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

- Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- *Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.*

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

1.2. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị 02 bộ hồ sơ theo quy định tại thủ tục này, gửi hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ Bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) đến Trung tâm hành chính công tỉnh.

Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính đề nghị chủ đầu tư ghi rõ địa chỉ liên lạc.

- Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và thông báo cho chủ đầu tư về tính hợp lệ của hồ sơ qua thư điện tử (qua đường bưu điện hoặc trực tiếp).

- Bước 3: Sở Xây dựng thẩm định, lập tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng và chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt.

Sau khi có kết quả, Sở Xây dựng chuyển kết quả, hồ sơ đến Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn trả kết quả (hoặc sau khi hồ sơ có kết quả trước thời hạn), Trung tâm hành chính công tỉnh gửi thư điện tử thông báo cho chủ đầu tư về kết quả thực hiện của hồ sơ và tiền phí thẩm định nhiệm vụ. Sau khi có xác nhận chủ đầu tư đã chuyển tiền, Trung tâm hành chính công tỉnh thực hiện trả kết quả cho chủ đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: 236 đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc nộp trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ chung:**

- Thuyết minh tổng hợp quy hoạch (03 quyển), đính kèm: Các bản vẽ quy hoạch in màu thu nhỏ khổ A3 (hoặc khổ lớn hơn) với tỷ lệ đảm bảo đọc rõ các số liệu; Quyết định chủ trương đầu tư, chủ trương lập quy hoạch (chấp thuận điều chỉnh quy hoạch) của cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền và các văn bản khác có liên quan (nếu có).

- Văn bản pháp lý 02 bộ gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư (bản chính).

+ Văn bản tổng hợp của UBND cấp xã về kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan của địa phương; Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư của chủ đầu tư (nếu có); Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);

+ Biên bản thông qua hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh hoặc văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và văn bản của chủ đầu tư về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối hồ sơ nếu có.

- Thuyết minh quy định quản lý theo đồ án quy hoạch (03 cuốn) đính kèm các bản vẽ in màu thu nhỏ khổ A3 với tỷ lệ đảm bảo đọc rõ số liệu và các văn bản pháp lý có liên quan (như thuyết minh tổng hợp).

- Sơ đồ vị trí khu đất xác định ranh dự án theo hệ tọa độ VN – 2000 tỷ lệ 1/2000-1/5000 được UBND cấp huyện kiểm tra xác nhận. (2 bản photo); Bản vẽ quy hoạch đủ thành phần và đúng tỷ lệ theo quy định (01 bộ màu).

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch (01 bộ - đóng thành tập), bao gồm: Văn bản pháp lý chứng minh pháp nhân của đơn vị tư vấn; Chứng chỉ hành nghề của người chủ nhiệm, chủ trì thiết kế từng bộ môn chuyên ngành; Văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận của từng cá nhân tham gia thiết kế;

- Hồ sơ khảo sát xây dựng (trừ các hồ sơ quy hoạch vùng) (01 bộ), bao gồm: Hồ sơ năng lực tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công việc khảo sát, hợp đồng;

- Đĩa CD (02 cái – chép toàn bộ file: Bản vẽ quy hoạch dạng file CAD, thuyết minh tổng hợp, thuyết minh quy định quản lý xây dựng, tờ trình, dự thảo quyết định và scan tất cả các văn bản pháp lý có liên quan).

*** Đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch xây dựng:**

- Bổ sung văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (02 bản photo); Quyết định phê duyệt quy hoạch; Bản vẽ quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông được duyệt (01 bộ photo – có dấu xác nhận của cơ quan phê duyệt).

d) Thời hạn giải quyết: (Tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

+ Thời gian thẩm định không quá 22 ngày.

+ Thời gian phê duyệt không quá 13 ngày.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

Phân cấp thẩm quyền giải quyết: ⁽³⁾

- *Sở Xây dựng tổ chức thẩm định trình UBND cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng trong các trường hợp sau:*

+ *Có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của 02 địa phương cấp huyện trở lên; Trong khu đô thị mới; Khu vực chưa có quy hoạch chung xây dựng được duyệt.*

⁽³⁾ Phần chữ in nghiêng không đậm tại các mục Cơ quan thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý của TTHC là nội dung được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.

+ Quy hoạch chi tiết các khu chức năng có ý nghĩa quan trọng của tỉnh: Trung tâm hành chính – chính trị cấp huyện trở lên; Khu vực định hướng quy hoạch khu đô thị mới; Các dự án có quy mô diện tích ≥ 20 ha; Các khu, cụm công nghiệp tập trung, khu hạ tầng kỹ thuật, cảng sông, cảng biển, an ninh quốc phòng; Các khu chức năng (khu di tích lịch sử, tôn giáo – tín ngưỡng; khu công nghệ kỹ thuật cao; Các dự án có ý nghĩa quan trọng khác do UBND tỉnh xác định cụ thể trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

+ Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị.”

- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai
- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Xây dựng.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Quy hoạch Kiến trúc.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Sau khi thẩm định, Sở Xây dựng ban hành Tờ trình trình UBND tỉnh.
- Trên cơ sở Tờ trình của Sở Xây dựng, UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí: Căn cứ theo Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Nội dung bên trong hồ sơ thể hiện phải phù hợp Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành; quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng cấp trên được duyệt.
- Bên ngoài hộp ghi rõ tên hồ sơ, quy mô diện tích và tên chủ đầu tư, thành phần hồ sơ.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;

- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;

- Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp.

- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;

- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;

- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

- Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

- Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- *Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh;*

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc

1.1. Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị 02 bộ hồ sơ theo quy định tại thủ tục này, gửi hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ Bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính đề nghị chủ đầu tư ghi rõ địa chỉ liên lạc.

- Bước 2: Chủ đầu tư điền đầy đủ thông tin và gửi trực tuyến kèm theo các mẫu văn bản, hồ sơ đính kèm (dạng file mềm) có liên quan theo quy định trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện kiểm tra, hướng dẫn và thông báo cho chủ đầu tư về tính hợp lệ của hồ sơ qua thư điện tử (hoặc trực tiếp, trường hợp chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện).

- Bước 3: Thẩm định, lập tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng và chuyển hồ sơ trình UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt.

- Bước 4: Đến ngày hẹn trả kết quả (hoặc sau khi hồ sơ có kết quả trước thời hạn), Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi thư điện tử thông báo cho chủ đầu tư về kết quả thực hiện của hồ sơ và tiền phí thẩm định nhiệm vụ. Chủ đầu tư trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện nhận kết quả và nộp phí theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng (03 quyển) đính kèm: Các bản vẽ in màu thu nhỏ A3 (hoặc khổ lớn hơn) với tỷ lệ đảm bảo đọc rõ các số liệu gồm: Vị trí giới hạn khu đất, đánh giá hiện trạng khu đất, phương án cơ cấu đề xuất (nếu có); Quyết định chủ trương đầu tư, chủ trương lập quy hoạch hoặc chấp thuận điều chỉnh quy hoạch của cấp có thẩm quyền;

- Văn bản pháp lý 02 bộ gồm:

+ Tờ trình đề nghị về việc thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư (2 bản chính)

+ Văn bản tổng hợp của UBND cấp xã về kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan của địa phương; Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư của chủ đầu tư (nếu có); Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có); Biên bản thông qua hội đồng thẩm nhiệm vụ quy hoạch xây dựng tỉnh hoặc văn bản tổng hợp ý kiến thẩm

định của Sở Xây dựng và văn bản của chủ đầu tư về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối hồ sơ nêu có.

+ Đối với hồ sơ nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng: Bổ sung văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh của cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- Sơ đồ vị trí khu đất xác định ranh dự án theo hệ tọa độ VN – 2000 do cơ quan quản lý đất đai xác nhận thực hiện. .

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập (01 bộ - đóng thành tập), bao gồm: Văn bản pháp lý chứng minh pháp nhân của đơn vị tư vấn; Chứng chỉ hành nghề của người chủ nhiệm, chủ trì thiết kế từng bộ môn chuyên ngành; Văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận của từng cá nhân tham gia thiết kế;

- Hồ sơ khảo sát xây dựng (trừ các hồ sơ quy hoạch vùng) (01), bao gồm: Hồ sơ năng lực tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công việc khảo sát, hợp đồng;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (01 bản)

- Đĩa CD (02 cái – chép toàn bộ file: Bản vẽ dạng file CAD, thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch, Tờ trình, dự thảo quyết định và scan tất cả các văn bản pháp lý có liên quan).

d) Thời hạn giải quyết:

- Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị:

+ Thời gian thẩm định không quá 17 ngày.

+ Thời gian phê duyệt không quá 13 ngày.

- Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù:

+ Thời gian thẩm định không quá 15 ngày.

+ Thời gian phê duyệt không quá 10 ngày.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

Phân cấp thẩm quyền giải quyết:⁽⁴⁾

- UBND các huyện, UBND thành phố Long Khánh, UBND thành phố Biên Hòa (trừ UBND huyện Nhơn Trạch thực hiện theo quy định đối với đô thị mới): Phòng Kinh tế Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị tổ chức thẩm định trình UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng có quy mô diện tích < 20ha đối với các khu vực trong phạm vi đã có quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch nông thôn, trừ các quy hoạch xây dựng quy định tại Khoản 1,

⁽⁴⁾ Phần chữ in nghiêng không đậm tại các mục Cơ quan thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý của TTHC là nội dung được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.

Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng."

- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.
- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng).
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng).

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Sau khi thẩm định, Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng) ban hành Tờ trình trình UBND cấp huyện.
- Trên cơ sở Tờ trình của Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng), UBND cấp huyện xem xét ban hành Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí: Căn cứ theo Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Hồ sơ bên trong phải thể hiện phải phù hợp Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành; quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng cấp trên được duyệt.
- Khu vực tên, bố cục, ký hiệu bản vẽ tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.
- Trường hợp nộp hồ sơ qua mạng, chủ đầu tư phải đảm bảo toàn bộ thông tin hồ sơ pháp lý cung cấp là hoàn toàn chính xác.
- Hồ sơ phải để trong hộp đựng hồ sơ, chiều cao tùy số lượng hồ sơ lưu bên trong (nếu nộp trực tiếp).
- Bên ngoài hộp ghi rõ tên hồ sơ, quy mô diện tích và tên chủ đầu tư, thành phần hồ sơ (dán lên gáy thùng hồ sơ nếu nộp trực tiếp).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;
- Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp.
- Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;

- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;
- Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.
- Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- *Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.*
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

1.2. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị 02 bộ hồ sơ theo quy định tại thủ tục này, gửi hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ Bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có) đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.

Lưu ý: Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính đề nghị chủ đầu tư ghi rõ địa chỉ liên lạc.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra thủ tục hồ sơ (trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết phiếu biên nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ).

- Bước 3: Thẩm định, lập tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng và chuyển hồ sơ trình UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt.

- Bước 4: Đến ngày hẹn trả kết quả (hoặc sau khi hồ sơ có kết quả trước thời hạn), Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo cho chủ đầu tư về kết quả thực hiện của hồ sơ và tiền phí thẩm định. Chủ đầu tư trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện nhận kết quả và nộp phí theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc nộp trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ chung:

- Thuyết minh tổng hợp quy hoạch (03 quyển), đính kèm: Các bản vẽ quy hoạch in màu thu nhỏ khổ A3 (hoặc khổ lớn hơn) với tỷ lệ đảm bảo đọc rõ các số liệu; Quyết định chủ trương đầu tư, chủ trương lập quy hoạch (chấp thuận điều chỉnh quy hoạch) của cấp có thẩm quyền; Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch của cấp có thẩm quyền và các văn bản khác có liên quan (nếu có).

- Văn bản pháp lý gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư (2 bản chính).

+ Văn bản tổng hợp của UBND cấp xã về kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan của địa phương (02 bản photo); Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư của chủ đầu tư (nếu có) (2 bản photo); Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có) (02 bộ photo);

+ Biên bản thông qua hội đồng thẩm đồ án quy hoạch xây dựng tỉnh hoặc văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng và văn bản của chủ đầu tư về giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối hồ sơ nếu có.

- Thuyết minh quy định quản lý theo đồ án quy hoạch (03 cuốn) đính kèm các bản vẽ in màu thu nhỏ khổ A3 với tỷ lệ đảm bảo đọc rõ số liệu và các văn bản pháp lý có liên quan (như thuyết minh tổng hợp).

- Hồ sơ bản vẽ liên quan: Sơ đồ vị trí khu đất xác định ranh dự án theo hệ tọa độ VN – 2000 tỷ lệ 1/2000-1/5000 được UBND cấp huyện kiểm tra xác nhận. (2 bản photo) ; Bản vẽ quy hoạch đủ thành phần và đúng tỷ lệ theo quy định (01 bộ màu).

- Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch (01 bộ - đóng thành tập), bao gồm: Văn bản pháp lý chứng minh pháp nhân của đơn vị tư vấn; Chứng chỉ hành nghề của người chủ nhiệm, chủ trì thiết kế từng bộ môn chuyên ngành; Văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận của từng cá nhân tham gia thiết kế;

- Hồ sơ khảo sát xây dựng (trừ các hồ sơ quy hoạch vùng) (01), bao gồm: Hồ sơ năng lực tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công việc khảo sát, hợp đồng;

- Đĩa CD (02 cái – chép toàn bộ file: Bản vẽ quy hoạch dạng file CAD, thuyết minh tổng hợp, thuyết minh quy định quản lý xây dựng, tờ trình, dự thảo quyết định và scan tất cả các văn bản pháp lý có liên quan).

*** Đối với hồ sơ điều chỉnh quy hoạch xây dựng:** Bổ sung văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (02 bản photo); Bản vẽ quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông được duyệt (01 bộ photo - có dấu của cơ quan thẩm định, phê duyệt).

d) Thời hạn giải quyết: (Tính từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ)

- Thời gian thẩm định không quá 22 ngày.

- Thời gian phê duyệt không quá 13 ngày.

e) Đối tượng thực hiện: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

Phân cấp thẩm quyền giải quyết:⁽⁵⁾

- UBND các huyện, UBND thành phố Long Khánh, UBND thành phố Biên Hòa (trừ UBND huyện Nhơn Trạch thực hiện theo quy định đối với đô thị mới): Phòng Kinh tế Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị tổ chức thẩm định trình UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng có quy mô diện tích < 20ha đối với các khu vực trong phạm vi đã có quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch nông thôn, trừ các quy hoạch xây dựng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng."

- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện.

⁽⁵⁾ Phần chữ in nghiêng không đậm tại các mục Cơ quan thực hiện TTHC, căn cứ pháp lý của TTHC là nội dung được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng).

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Sau khi thẩm định, Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng) ban hành Tờ trình trình UBND cấp huyện.

- Trên cơ sở Tờ trình của Phòng Quản lý Đô thị (hoặc phòng Kinh tế Hạ tầng), UBND cấp huyện xem xét ban hành Quyết định phê duyệt.

h) Phí, lệ phí: Căn cứ theo Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Hồ sơ thể hiện phải phù hợp Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành; quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng cấp trên được duyệt.

- Khung tên, bố cục, ký hiệu bản vẽ tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

- Hồ sơ phải để trong hộp đựng hồ sơ, chiều cao tùy số lượng hồ sơ lưu bên trong.

- Bên ngoài hộp ghi rõ tên hồ sơ, quy mô diện tích và tên chủ đầu tư, thành phần hồ sơ (dán lên gáy thùng hồ sơ).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ hướng dẫn về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;

- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời Việt Nam;
- Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp.
- Nghị định 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 10/2007/TT-BXD ngày 22/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch xây dựng công sở các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị;
- Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng Quy định cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;
- Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;
- Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

- Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- *Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.*

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.